

ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2022 – 2023

Môn NGỮ VĂN – Khối 10

Thời gian: 60 phút

(Không kể thời gian phát đề)

[illegible]

		Tác dụng: -Câu chuyện tăng sức hấp dẫn, lôi cuốn. -Tác giả tô đậm quyền lực của Dốt. Hoặc: -Prô-mê-tê ngày bị mặt trời thiêu đốt, đêm rét buốt thấu đến xương tuỷ. Hàng ngày, một con đại bàng khổng lồ do Dốt sai đến, mổ bụng và ăn buồng gan của chàng. Song, thật kỳ diệu, buồng gan của vị thần bắt từ đêm lại mọc ra, đầy đủ và tươi rói. Tác dụng: -Câu chuyện tăng sức hấp dẫn, lôi cuốn. -Nhấn mạnh tinh thần kiên cường, bất khuất của Prô-mê-tê. Hướng dẫn chấm: - Chỉ ra được chi tiết kì ảo: 0,5 điểm. Nêu tác dụng: 0,5 điểm - Diễn đạt chung chung không rõ ý: từ 0,25 đến 0,5 điểm - Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm.	0,5
III		PHẦN LÀM VĂN	4,0
	1	Anh/ Chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của mình về nhân vật Prô-mê-tê trong văn bản trên.	
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> -Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. -Không quá số dòng qui định, được phép ± 3 dòng. -Không tách dòng.	0,25
		<i>b. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để nêu cảm nhận về nhân vật Prô-mê-tê. Gợi ý: -Mở đoạn: Giới thiệu tên tác phẩm, giới thiệu nhân vật, khái quát về nhân vật. -Thân đoạn: Cảm nhận về phẩm chất, tài năng của Prô-mê-tê và sự ủng hộ của các vị thần khác trước hành động của Prô-mê-tê. +Có tình yêu thương con người. +Sự dũng cảm, gan dạ. +Thần lực mạnh mẽ. +Quyết đoán... - Dẫn chứng – Chứng minh. -Kết đoạn: Nhận xét chung về nhân vật Prô-mê-tê. Hướng dẫn chấm: -Đoạn văn giới thiệu được nhân vật và nêu cảm nhận sâu sắc, có lí giải thuyết phục, nêu rõ phẩm chất, tính cách của nhân vật; hành văn lưu loát; dùng từ súc tích: 2,75điểm - 3,0 điểm. -Đoạn văn giới thiệu được nhân vật và nêu cảm nhận, trong đó, lí giải chưa sâu sắc, còn thiếu ý; hành văn đôi chỗ dài dòng; dùng từ chuẩn xác: 2,0 điểm – 2,5 điểm. -Đoạn văn giới thiệu được nhân vật và nêu cảm nhận, trong đó, lí giải còn thiếu nhiều ý; hành văn dài dòng; dùng từ không chuẩn xác: 1,0 điểm – 1,75 điểm. -Đoạn văn giới thiệu được nhân vật, kĩ năng hành văn còn nhiều hạn chế: 0,5 điểm – 0,75 điểm.	3,0

		- Lạc đề: 0 điểm.	
		c. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. (3 lỗi trở lên)	0,25
		d. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và kỹ năng để viết cảm nhận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
	2	Từ nhân vật Prô-mê-tê trong văn bản ở phần Đọc - hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về một trong những phẩm chất cần có của người trẻ trong xã hội hiện nay.	
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn - Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. - Không quá số dòng qui định, được phép ± 3 dòng. - Không tách dòng.	0,25
		b. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để bàn về một trong những phẩm chất cần có của người trẻ trong xã hội hiện nay. Gợi ý: - Mở đoạn: Giới thiệu tên tác phẩm, giới thiệu một trong những phẩm chất cần có của người trẻ trong xã hội hiện nay. - Thân đoạn: Cảm nhận về một phẩm chất: + Tấm lòng nhân ái. + Sự dũng cảm, gan dạ. + Sự quyết đoán... Giải thích. Nêu tác dụng. Dẫn chứng – Chứng minh. - Kết đoạn: Liên hệ bản thân. Rút lời khuyên. Hướng dẫn chấm: - Đoạn văn giới thiệu được một trong những phẩm chất cần có của người trẻ trong xã hội hiện nay, lí giải thuyết phục; hành văn lưu loát; dùng từ súc tích: 2,75 điểm - 3,0 điểm. - Đoạn văn giới thiệu được một trong những phẩm chất cần có của người trẻ trong xã hội hiện nay, trong đó, lí giải chưa sâu sắc, còn thiếu ý; hành văn đôi chỗ dài dòng; dùng từ chuẩn xác: 2,0 điểm – 2,5 điểm. - Đoạn văn giới thiệu được một trong những phẩm chất cần có của người trẻ trong xã hội hiện nay, trong đó, lí giải còn thiếu nhiều ý; hành văn dài dòng; dùng từ không chuẩn xác: 1,0 điểm – 1,75 điểm. - Đoạn văn giới thiệu được một trong những phẩm chất cần có của người trẻ	3,0

		trong xã hội hiện nay, kỹ năng hành văn còn nhiều hạn chế: 0,5 điểm – 0,75 điểm. - Bài làm lạc đề: 0 điểm.	
		c. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. (3 lỗi trở lên)	0,25
		d. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và kỹ năng để viết cảm nhận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5

ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2022 – 2023

Môn NGỮ VĂN – Khối 11

Thời gian: 60 phút

(Không kể thời gian phát đề)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh không trả lời đúng hoặc nhiều hơn một phương thức biểu đạt: không cho điểm.	0,5
	2	Theo tác giả: “thành công trong quá khứ không thể đảm bảo cho thắng lợi trong tương lai” vì: - Những gì tạo dựng được trong quá khứ chỉ là tiền đề cho hiện tại. - Khả năng không thể nào phát triển nếu không được liên tục mài giũa. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác hai ý như đáp án: 0,5 điểm, mỗi ý 0,25 điểm - Học sinh trả lời chính xác được một ý: 0,25 điểm - Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm	0,25 0,25
	3	Nội dung của văn bản: văn bản bàn về thành công và cách để duy trì sự thành công trong cuộc sống. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 1,0 điểm; mỗi ý 0,5 điểm. - Trình bày chung chung: 0,5 - 0,75 điểm. - Trình bày thiếu thuyết phục: 0,25 điểm. Lưu ý: Học sinh có thể có những cách diễn đạt riêng, giáo viên căn cứ nội dung để chấm điểm.	1,0

	4	Biện pháp tu từ: - Điệp cấu trúc: “Nếu ta...” Tác dụng: Tạo nhịp điệu cho câu văn, làm cho câu văn nhịp nhàng hơn. Qua đó đặt ra các giả thiết, nếu con người không cố gắng trong cuộc sống thì khó có thể thành công, tương lai phía trước có thể dở dang. - Liệt kê: “không có mục tiêu cụ thể, không có kỉ luật, không đặt danh sách các việc cần phải làm hằng ngày, không tự thúc đẩy bản thân, không tự tạo động lực, ngủ quá nhiều hoặc giải trí quá nhiều”. Tác dụng: Diễn tả chi tiết, đầy đủ, đa dạng các khía cạnh của vấn đề. Qua đó, liệt kê đầy đủ các biểu hiện của sự lười biếng, không cố gắng để vươn đến tương lai. Hướng dẫn chấm: - Học sinh gọi tên (0,25) và chỉ ra được bptt (0,25): 0,5 điểm - Học sinh nêu được tác dụng về biểu đạt (0,25) và ý nghĩa (0,25): 0,5 điểm.	1,0
	5	Học sinh nêu và trình bày thông điệp mà bản thân rút ra (Trình bày ngắn gọn từ 5-7 dòng), với yêu cầu là đúng đắn, phù hợp, tránh chung chung. GV căn cứ vào bài làm của học sinh để cho điểm. Hướng dẫn chấm: - Trình bày thuyết phục: 1,0 điểm. (Rút ra thông điệp: 0,25 điểm ; Trình bày thông điệp: 0,75 điểm) - Trình bày chung chung: 0,5 - 0,75 điểm. - Trình bày thiếu thuyết phục: 0,25 điểm.	1,0
II		LÀM VĂN	6,0
	1	Viết bài văn cảm nhận về nỗi niềm của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bốn câu thơ: <i>Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám, Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn. Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại, Mảnh tình san sẻ tí con con!</i> (Trích Tự tình II, Hồ Xuân Hương, SGK Ngữ văn 11, tập 1, NXB Giáo dục, 2018)	6,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: nỗi niềm của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bốn câu thơ cuối bài Tự tình Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: không cho điểm.	0,25
		b. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ về nỗi niềm của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bốn câu thơ đầu bài Tự tình. Hướng dẫn chấm: Học sinh triển khai được các nội dung sau: * Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và được vấn đề nghị luận (0,25 điểm). * Thân bài: (4,5 điểm).	4,75

	- Khái quát về nội dung của 4 câu đầu: Nỗi niềm buồn tủi cô đơn trong đêm khuya thanh vắng (hai câu đề) và tình cảnh đầy chua xót, bế bång của nhân vật trữ tình (hai câu thực) - Hai câu luận (2.0 điểm) - <i>Nỗi niềm phẫn uất, sự phản kháng của nhân vật trữ tình</i>: Hai câu thơ gợi cảnh thiên nhiên và cảnh được cảm nhận qua tâm trạng như cùng mang nỗi niềm phẫn uất của con người. Nghệ thuật đảo ngữ, sử dụng động từ mạnh, tả cảnh ngụ tình ⇒ khẳng định sự nổi loạn trong tâm trạng: thái độ phản kháng dữ dội quyết liệt của nữ sĩ với cuộc đời, số phận, xã hội đồng thời khẳng định bản lĩnh tự tin của Hồ Xuân Hương. - Hai câu kết (2.0 điểm) - <i>Tâm trạng chán chường, buồn tủi của nhân vật trữ tình</i>: + <i>Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại</i>: Sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân. Tác giả cảm nhận sự chảy trôi của thời gian, đời người với bao xót xa, tiếc nuối + <i>Mảnh tình san sẻ tí con con</i>: Câu thơ nát vụn ra, vật vờ đến nhức nhối vì cái duyên tình hẩm hiu, lặn dận của nhà thơ. Càng gắng gượng vươn lên càng rơi vào bi kịch. Song bên cạnh đó chính là những khát khao về hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội xưa. Đó cũng là nỗi lòng chung của những người phụ nữ trong xã hội xưa, khi với họ hạnh phúc là một chiếc chăn quá hẹp. - Đánh giá: (0,5 điểm) + Nội dung: Đoạn thơ nói riêng và bài thơ nói chung đã nói lên bi kịch và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương. Bài thơ mang đậm ý nghĩa nhân văn: trong buồn tủi, người phụ nữ vẫn gắng vượt lên trên số phận nhưng cuối cùng vẫn rơi vào bi kịch. - Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật với kết cấu niêm luật chặt chẽ, gieo vần đối ngẫu rất chỉnh; ngôn từ được dùng tinh tế, táo bạo; các biện pháp tu từ: đảo ngữ, ẩn dụ, sử dụng từ đa nghĩa, đồng âm được sử dụng linh hoạt hiệu quả. Hướng dẫn chấm: - Học sinh cảm nhận về hình ảnh nhân vật trữ tình trong đoạn thơ đầy đủ, sâu sắc: 4,75 điểm. - Học sinh cảm nhận đầy đủ nhưng chưa sâu sắc: 3,0 điểm -> 4,5 điểm. - Cảm nhận chung chung, thiên về diễn xuôi ý thơ: 2,0 điểm -> 2,75 điểm. - Cảm nhận sơ lược, không rõ hình ảnh nhân vật: 0,75 điểm -> 2,5 điểm. - Bài làm quá sơ sài: 0,25 điểm đến 0,5 điểm - Không làm bài: 0 điểm	
	c. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. (4 lỗi trở lên)	0,25

	<i>d. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm <i>Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để cảm nhận và phân tích; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</i> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Năm học: 2022 - 2023
Môn thi: NGỮ VĂN – Khối 12
 Thời gian làm bài: 90 phút
 (Không kể thời gian phát đề)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời đúng hoặc nhiều hơn một phương thức nghị luận: không cho điểm.	0,5
	2	Trong đoạn trích, người viết cho rằng nụ cười chỉ có giá trị khi: <i>con người chân thành trao tặng cho nhau.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm.	0,5
	3	Biện pháp tu từ nổi bật trong văn bản là: a/ BPTT: điệp từ: <i>nụ cười</i> - Tác dụng: tạo âm hưởng nhịp nhàng cho văn bản qua đó nhấn mạnh điều đem lại rất nhiều ý nghĩa trong cuộc sống đó là nụ cười. b/ BPTT: liệt kê: “ <i>không tốn kém mà đem lại rất nhiều thứ; không chỉ làm giàu người nhận mà cả người cho; xuất hiện trong nháy mắt nhưng có thể để lại dấu ấn suốt đời; đem lại hạnh phúc trong gia đình, mang lại cảm hứng, thiện chí trong công việc và làm ấm áp thêm tình bạn; là chốn nghỉ ngơi cho người mệt mỏi, là ánh ban mai cho người nản chí, là tia nắng mặt trời cho người buồn tủi, là thuốc giải độc tốt nhất cho những hoài nghi, lo lắng và sợ hãi. ...</i> ” - Tác dụng: Nhấn mạnh chi tiết, đầy đủ những ý nghĩa mà nụ cười đem lại. Hướng dẫn chấm: - Học sinh gọi tên (0,25) và chỉ ra được bptt (0,25): 0,5 điểm	1,0

		- Học sinh nêu được tác dụng về biểu đạt (0,25) và ý nghĩa (0,25): 0,5 điểm.	
	4	Thái độ của anh/chị đối với quan điểm: “không ai cần một nụ cười nhiều bằng người đã không còn một nụ cười nào nữa để cho đi” HS có thể đồng tình hoặc không đồng tình, hoặc đồng tình chỉ một phần. Mọi kiến giải hợp lý đều có thể chấp nhận. Sau đây là một vài gợi ý: - Người không còn một nụ cười nào nữa để cho đi có thể là những người đã trải qua nhiều mất mát, đau thương mà trái tim và tâm hồn chưa thể tự hàn gắn. Đây là những người cần được nâng đỡ, an ủi, sẻ chia. - Nụ cười thể hiện sự đồng cảm, động viên chân thành sẽ là liều thuốc tinh thần giúp họ có thể vượt đi những mệt mỏi, đau khổ.... Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được quan điểm cá nhân: 0.25 - Học sinh lý giải được quan điểm của mình: 0.75 + HS trình bày thuyết phục: 0.75 điểm. + HS có lý lẽ song diễn đạt còn lủng củng, chưa chặt chẽ: 0.5 điểm + HS trình bày chưa thuyết phục: 0.25 điểm.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Từ đoạn trích trên, em viết một đoạn văn (200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về cách để gửi trao nụ cười đến những người xung quanh được hiệu quả.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cách để gửi trao nụ cười đến những người xung quanh.	0,25
		b. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ về cách để gửi trao nụ cười đến những người xung quanh. Sau đây là một số gợi ý: - Chúng ta cần phải hiểu được ý nghĩa của nụ cười trong cuộc sống. Nó là món quà tinh thần vô giá mà tạo hóa ban tặng cho con người giúp xua tan đau buồn, hàn gắn vết thương, nhân đôi niềm vui, làm dịu nỗi cô đơn...từ đó thường xuyên mỉm cười với những người xung quanh. - Nụ cười phải xuất phát từ tâm lòng chia sẻ, đồng cảm, yêu thương chân thành mới đem lại ý nghĩa. - Phải cười đúng lúc, đúng chỗ bởi nó giúp ta thêm bạn, bớt thù, công việc thuận lợi, cuộc sống bớt căng thẳng; là biểu hiện của sự lịch thiệp và văn hóa trong giao tiếp – chìa khóa của hạnh phúc và thành công. ... - Liên hệ bản thân. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (1.0 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,75 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên	1.0

		quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 -0,5 điểm). Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		c. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. (3 lỗi trở lên)	0,25
		d. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 1 trong 2 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.	0,25
	2	Phân tích 4 câu thơ trong khổ thơ đầu bài Tây tiến –Quang Dũng để cảm nhận về đẹp của thiên nhiên Tây Bắc	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cảm nhận về thiên nhiên Tây bắc qua 4 câu thơ Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: không cho điểm.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	3,75
		* Mở bài : Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm (0,25 điểm), và đoạn thơ, dẫn đề, (0,25 điểm).	0,5
		* Thân bài: Cảm nhận về thiên nhiên Tây Bắc - Khái quát cảm xúc chủ đạo và vị trí đoạn trích: (0,25 điểm) - Phân tích 4 câu thơ (2.5 điểm) *Luận điểm 1: Một thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, hoang sơ, hiểm trở (3 câu đầu) (1,75 điểm). *Luận điểm 2: một thiên nhiên Tây Bắc nên thơ, trữ tình (câu cuối) (0.75 điểm.) Hướng dẫn chấm: - Học sinh cảm nhận về vẻ đẹp thiên nhiên Tây Bắc trong đoạn thơ đầy đủ, sâu sắc: 2,75 điểm. - Học sinh cảm nhận chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm -> 2,5 điểm. - Cảm nhận chung chung, thiên về diễn xuôi câu thơ: 0,75 điểm -> 1,5 điểm. - Cảm nhận sơ lược, không rõ các biểu hiện vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Bắc: 0,25 điểm -> 0,5 điểm.	2,75
		* Đánh giá chung - Về nội dung: đoạn trích đã khắc họa vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ, hiểm trở thử thách những người lính Tây Tiến nhưng đồng thời cũng vừa thơ	0,5

	mộng với những nét vẽ thi vị, trữ tình. Qua đó hé mở cho người đọc về hình ảnh người lính Tây Tiến phải chịu nhiều gian khổ, vất vả nhưng họ vẫn lạc quan và lãng mạn. -Về nghệ thuật: Đoạn thơ thành công với bút pháp lãng mạn ưa cực tả và các biện pháp nghệ thuật: đối, từ láy, hài thanh đã tạo nên một bức tranh thiên nhiên với những nét vẽ vừa táo bạo, gân guốc vừa mềm mại, phóng khoáng. Hướng dẫn chấm: - Học sinh đánh giá được đầy đủ cả nội dung và nghệ thuật: 0,5 điểm: - Học sinh đánh giá được 1 ý: 0,25 điểm. - Học sinh không đánh giá được vấn đề: không cho điểm	
	c. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. (4 lỗi trở lên)	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để cảm nhận và phân tích; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0